

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2001-2005

NGUYỄN VĂN HIỆP

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ, trong 5 năm qua (2001-2005), tỉnh Bình Dương tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) đồng bộ trên cả 4 lĩnh vực: thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức (CB,CC), tài chính công; và đã đạt được những mục tiêu cơ bản đề ra, có tác động tích cực góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Những thành tựu đạt được.

a. Về thể chế.

Trên cơ sở chủ trương và đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tỉnh Bình Dương coi trọng công tác ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành nhằm cụ thể hoá và vận dụng các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình địa phương. Từ năm 2001 đến năm 2005, UBND tỉnh đã ban hành 1.113 văn bản, gồm 942 quyết định và 171 chỉ thị. Qua rà soát và kiểm nghiệm từ thực tiễn, hầu hết các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sát hợp với thực tế địa phương. Các văn bản này đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền địa phương, vận dụng cơ chế, chính sách phù hợp, tạo môi trường thuận lợi cho tổ chức và công dân phát triển kinh tế

- xã hội, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn. Trong 5 năm (2001-2005), GDP của tỉnh duy trì được tốc độ tăng trưởng cao (bình quân tăng 15,3%/năm); sản xuất công nghiệp phát triển nhanh, giữ vai trò chủ đạo (chiếm tỉ trọng 63,8%) trong nền kinh tế; vốn đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng; văn hoá, xã hội phát triển vững chắc; an ninh - quốc phòng được giữ vững và trật tự, an toàn xã hội diễn biến theo chiều hướng tích cực.

Song song với quá trình đổi mới về thể chế, Bình Dương từng bước điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng giảm phiền hà, công khai hoá và rút ngắn thời hạn giải quyết. Đến nay, hầu hết các TTHC thuộc các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức và công dân như lĩnh vực đầu tư, hải quan, địa chính và xây dựng đã được các cơ quan chức năng của Bình Dương công khai hoá và giải quyết nhanh hơn. Cụ thể là:

- Trong lĩnh vực đầu tư, đối với dự án ngoài khu công nghiệp, sau khi gửi văn bản đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình UBND tỉnh xin chủ trương, nhà đầu tư nhận được kết quả sau 1 ngày (trong trường hợp dự án có quy mô lớn, thời hạn trả kết quả là 3 ngày). Đối với dự án trong khu công nghiệp, thời hạn trả kết quả là 3 ngày; trong trường hợp cần có văn bản thoả thuận của bộ, ngành trung

ương, thời hạn trả kết quả là 15 ngày.

- Trong lĩnh vực hải quan, Cục Hải quan Bình Dương đã tiến hành thí điểm phương thức kê khai hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu và Chi cục Hải quan Sóng Thần với mục đích ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế công khai, minh bạch; *một mặt*, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, *mặt khác*, tăng cường sự giám sát chặt chẽ của cơ quan chức năng. Trong thời gian tới, phương thức này được thực hiện ở tất cả các chi cục hải quan thuộc Cục Hải quan Bình Dương.

- Trong lĩnh vực địa chính, thời gian giải quyết các TTHC về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... đều đảm bảo theo quy định của Chính phủ; trong đó, có một số việc, thời gian giải quyết được rút ngắn 5 ngày (đối với cấp tỉnh) và 7-15 ngày (đối với cấp huyện).

- Trong lĩnh vực xây dựng, UBND tỉnh đã có văn bản quy định về cấp phép xây dựng; theo đó, thời gian tối đa giải quyết cho một hồ sơ không quá 30 ngày; trong trường hợp đặc biệt, thời gian giải quyết không quá 10 ngày.

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho tổ chức và công dân trong giải quyết các TTHC, thực hiện Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04-9-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế "*Một cửa*" tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đến nay, Bình Dương đã thực hiện cơ chế "*Một cửa*" tại 18/24 sở, ngành; 7/7 huyện, thị xã và 52/89 xã, phường, thị trấn. Qua thực hiện bước đầu, việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết các TTHC tại bộ phận chuyên trách đã giảm thời gian đi lại của tổ chức và công dân, được tổ chức và công dân đồng tình, ủng hộ.

b. Về tổ chức bộ máy.

Thực hiện Quyết định số 207/1999/QĐ-TTg ngày 25-10-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 53/2000/QĐ-UB ngày 17-3-2000 về việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức và tinh giản biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp. Theo đó, từ năm 2001 đến nay, qua nhiều lần tổ chức sắp xếp lại, ở cấp tỉnh có 24 sở, ngành (Ban Thi đua khen thưởng thành lập ngày 27-12-2006); ở cấp huyện có 13 phòng, ban chuyên môn (tăng 1 phòng so với quy định của Chính phủ do không sáp nhập Phòng Nội vụ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội), nhưng qua hoạt động, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Đối với các đơn vị sự nghiệp, tinh tiến hành thành lập mới, giải thể hoặc tổ chức lại các đơn vị không còn phù hợp. Đồng thời, tỉnh từng bước thực hiện xã hội hoá một số tổ chức sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao như trường bán công mẫu giáo - mầm non, bệnh viện tư nhân, trung tâm xúc tiến việc làm, công ty cổ phần bóng đá... ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển (thị xã, thị trấn).

Thực hiện chủ trương sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), từ năm 2001 đến nay, Bình Dương đã tiến hành sắp xếp lại DNNN theo phương thức giải thể, sáp nhập hoặc cổ phần hoá. Đến cuối năm 2005, tỉnh Bình Dương có 27 DNNN; đã cổ phần hoá 18 doanh nghiệp. Thực hiện quyết định số 155/2004/QĐ-TTg ngày 10-8-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11-4-2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại, Bình

Dương đã xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp lại DNNN theo tiêu chí mới và chỉ còn giữ 100% vốn ở 9 DNNN (chuyển 3 đơn vị hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và 2 đơn vị thành công ty TNHH một thành viên).

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp quản lý, UBND tỉnh đã có chủ trương phân cấp cho ngành và huyện, thị xã về lĩnh vực y tế và giáo dục. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã xây dựng Quy chế phân cấp và cơ chế phối hợp giữa ngành và địa phương để trình UBND tỉnh ban hành.

c. Về đội ngũ cán bộ, công chức.

Trên cơ sở những quy định chung của Đảng và Nhà nước về quản lý CB,CC, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Bình Dương đã có những văn bản chỉ đạo cụ thể, như quy chế đánh giá CB,CC; quy chế bổ nhiệm CB,CC; quy định về phân cấp quản lý cán bộ; quy định tạm thời về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước; quy định về chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực....

Đồng thời, tỉnh đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng (ĐT,BD) CB,CC. Từ năm 2000 đến cuối năm 2004, toàn tỉnh có 2.726 lượt CB,CC được ĐT,BD về chuyên môn, nghiệp vụ (trong đó: đào tạo sau đại học 285 người; đại học và cao đẳng: 1.884 người, trung cấp: 257 người); có 2.091 lượt CB,CC được ĐT, BD về lý luận chính trị (trong đó: sau đại học 5 người, đại học: 335 người; cao cấp: 343 người, trung cấp: 1.408 người); có 2.271 lượt CB,CC được ĐT, BD về kiến thức quản lý nhà nước (trong đó đại học 58 người, trung cấp: 644 người, chuyên viên chính: 33 người, chuyên viên: 1.536 người; có 9.591 lượt CB,CC được bồi dưỡng về quốc phòng, tin học, ngoại ngữ

và các kiến thức khác. Như vậy, trong 5 năm (2001-2004), toàn tỉnh Bình Dương đã có 16.679 lượt CB,CC được tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt, nhằm từng bước tiêu chuẩn hoá theo chức danh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, UBND tỉnh chỉ đạo thành lập trung tâm tin học để tích hợp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh đối với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã. Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã đã kết nối mạng Internet khai thác thông tin phục vụ công tác; đồng thời, thông qua trang web để khai thác cơ sở dữ liệu CB,CC thuộc quyền quản lý đưa công tác quản lý nhà nước nói chung và quản lý CB,CC nói riêng ngày càng chuyên nghiệp và hiện đại hơn.

d. Về tài chính công.

UBND tỉnh đã phân cấp thu, chi ngân sách cho cấp huyện, thị xã; thực hiện chế độ khoán quỹ lương và chi phí quản lý hành chính trong thời gian 3 năm cho các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan của Đảng; các phòng, ban chuyên môn của huyện, thị xã. Đồng thời, khoán quỹ lương và hoạt động phí trong thời gian 1 năm cho 89/89 xã, phường, thị trấn. Thông qua chế độ khoán, hầu hết các đơn vị đã tiến hành sắp xếp lại đội ngũ CB,CC hợp lý, tiến tới chủ động hơn về kinh phí, thực hành tiết kiệm và tăng thu nhập cho CB,CC.

Phân cấp cho sở, ngành; huyện, thị xã nâng bậc lương CB,CC từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống (sau khi đã đối chiếu và thống nhất với Sở Nội vụ).

Phân cấp cho Giám đốc Sở Tài chính được chi dưới 20 triệu đồng đối với vấn đề phát sinh ngoài định mức khoán theo đề

ngộ của các địa phương, đơn vị (không phải xin ý kiến của UBND tỉnh)

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, phân cấp cho huyện, thị xã làm chủ đầu tư những công trình dưới 10 tỉ đồng; xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư những công trình dưới 2 tỉ đồng.

2. Những mặt bất cập.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác CCHC ở Bình Dương vẫn còn một số mặt hạn chế. Đó là:

- Công tác ban hành văn bản còn sai sót. Qua rà soát 942/1.113 văn bản do UBND tỉnh ban hành, đã phát hiện 247 văn bản có sai sót; trong đó, 196 văn bản sai sót về kí hiệu, căn cứ pháp lý, thời điểm có hiệu lực; 51 văn bản sai sót về thẩm quyền, nội dung. Công tác rà soát văn bản ở các sở, ngành và UBND huyện, thị xã chưa được thực hiện thường xuyên.

- Công tác cải cách TTHC mới đạt được yêu cầu công khai thủ tục, lệ phí, hướng dẫn nghiệp vụ, rút ngắn thời gian giải quyết vụ việc mà chưa thực sự đi sâu nghiên cứu để loại bỏ công đoạn trung gian không cần thiết, giảm thiểu các loại giấy tờ trong quy trình giải quyết các loại vụ, việc.

- Tổ chức bộ máy tuy đã qua nhiều lần sắp xếp nhưng chưa theo kịp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị hoá; chưa phân định rõ mô hình quản lý nhà nước ở đô thị (thị xã, phường, thị trấn) với địa bàn nông thôn (huyện, xã).

Trong một số lĩnh vực công tác có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, do thiếu những quy định pháp lý và chế độ trách nhiệm nên khi triển khai thực hiện thường chậm trễ, thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp. Công tác xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, thể thao ở những nơi có điều kiện chưa được các cấp chủ quản

quan tâm đúng mức nên chưa mạnh dạn đề xuất với UBND tỉnh về mô hình xã hội hoá, chậm trễ trong khâu lập đề án, xây dựng lộ trình triển khai.

- Công tác ĐT, BD CB,CC chưa đạt được kết quả như mong muốn. Ngành, nghề đào tạo mất cân đối, đa số CB,CC theo học các ngành quản trị kinh doanh, kinh tế chính trị và luật, rất ít CB,CC theo học các ngành khoa học cơ bản và kĩ thuật công nghệ.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hiệu quả còn thấp do thiếu nhân lực và trang thiết bị không đồng bộ. Một số cơ quan có trang web nhưng nội dung đơn điệu, thông tin chưa được cập nhật hoặc có nối mạng Internet nhưng hiệu quả khai thác thông tin chưa cao.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong giai đoạn 2006-2010.

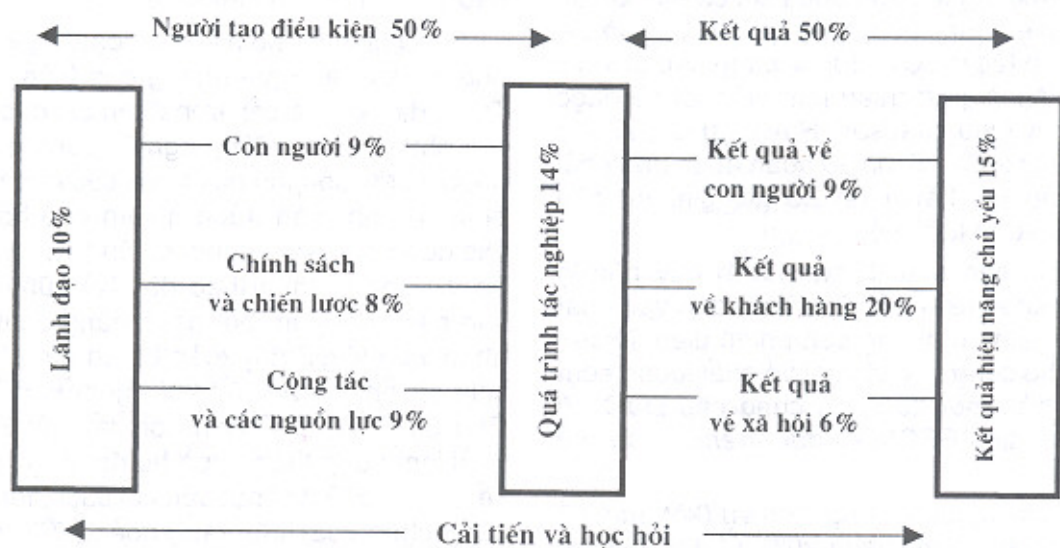
Nhằm khắc phục những mặt hạn chế và đẩy nhanh hơn tiến độ CCHC để đạt được các mục tiêu theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ, trong giai đoạn 2006-2010, tỉnh Bình Dương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng về nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp. Trong đó, cần nâng cao nhận thức cho CB,CC về CCHC: xem CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, cải cách TTHC là khâu đột phá, mở đường cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, tiếp tục tuyên truyền và thực hiện CCHC theo cơ chế "Một cửa" tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Theo đó, đẩy mạnh công tác rà soát văn bản để loại bỏ những nội dung

(Xem tiếp trang 68).

Sơ đồ 2: MÔ HÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TỐI ƯU CỦA CHÂU ÂU EFQM



CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở BÌNH DƯƠNG...

(Tiếp theo trang 53)

chống chéo, hết hiệu lực; đồng thời đổi mới công tác ban hành văn bản theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tập trung rà soát các TTHC liên quan tới tổ chức và công dân để loại bỏ những thủ tục rườm rà, không cần thiết, đảm bảo tính công khai, minh bạch, thông thoáng, hiệu lực và hiệu quả. Tổng hợp, nghiên cứu và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân về TTHC.

Ba là, tiếp tục kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, không chống chéo, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và có cơ chế phối hợp rõ ràng đối với những nhiệm vụ liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc phân cấp quản lý, tăng cường tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị.

Bốn là, đổi mới công tác đánh giá đội ngũ CB,CC. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch ĐT,BD khắc phục tình trạng đào tạo mất cân đối như

hiện nay. Mặt khác, cần tuyển dụng các chuyên gia về ngành, lĩnh vực và CB,CC trẻ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, chuyên môn để thay thế những CB,CC không đủ năng lực, chuyên môn, không hoàn thành nhiệm vụ.

Năm là, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin để thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; trong đó, đặc biệt quan tâm đầu tư cho cấp huyện và tăng cường CB,CC đã qua đào tạo cho cấp cơ sở. Áp dụng tiêu chuẩn ISO vào QLNN, tiếp cận nền hành chính văn minh, hiện đại.

Sáu là, mở rộng mô hình xã hội hoá đối với các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao. Đồng thời đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện khoán biên chế và chi phí quản lý hành chính; mở rộng việc thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16-01-2002 của Chính phủ □